

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 5 - 2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hồ Ngọc Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Tuấn.

2. Ông Huỳnh Hoàng Nam.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Bà Nguyễn Thúy An- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2021/TLST - HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐXX-ST, ngày 18 tháng 4 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Quang N, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Đặng Thị Bích L, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2021 nguyên đơn anh Trần Quang N trình bày:

Anh N và chị Đặng Thị Bích L tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên thống nhất tổ chức lễ cưới vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B,

huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 05/6/2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp tánh tình, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Chị L tự ý bỏ nhà đi và đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Quá trình chung sống anh, chị có 01 con chung tên Trần Đăng K, sinh ngày 30/11/2008 hiện anh N đang nuôi dưỡng.

Anh N yêu cầu ly hôn với chị L, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đặng Thị Bích L đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các thủ tục tố tụng nhưng không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Anh N và chị L tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, anh N cho rằng do thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về cuộc sống gia đình, chị L tự ý bỏ nhà đi không còn chung sống với anh N. Phía bị đơn không nêu ý kiến mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Xét thấy hôn nhân giữa anh N và chị L đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung: anh N và chị L có 01 người con Trần Đăng K, sinh ngày 30/11/2008, chưa đủ 18 tuổi, cháu Khoa có nguyện vọng được sống với anh N khi cha mẹ ly hôn, do đó đề nghị giao con cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53; Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Quang N ly hôn với chị Đặng Thị Bích L. Về con

chung: Giao cháu Khoa, cho anh N nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh N không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; buộc anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Trần Quang N yêu cầu ly hôn với chị Đặng Thị Bích L theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Chị L với tư cách là bị đơn, có nơi cư trú tại Khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[1.2] Chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của chị không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về nội dung:

[2.1] Anh N và chị L kết hôn vào năm 2007 và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 05/6/2007 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2020, từ đó cho đến nay hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh N yêu cầu được ly hôn với chị L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh, chị có một con chung tên Trần Đăng K, sinh ngày 30/11/2008, hiện cháu Khoa đang sống với anh N. Xét thấy, cuộc sống hiện nay

cháu Khoa đang ổn định và phát triển bình thường. Anh N cũng có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Khoa. Cháu Khoa có nguyện vọng muốn sống với cha khi cha, mẹ ly hôn. Do đó, HĐXX xét thấy giao cháu Khoa cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí: Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Trần Quang N được ly hôn với chị Đặng Thị Bích L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Đăng K, sinh ngày 30/11/2008 cho anh N tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật).

Chị L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002418 ngày 08/7/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Anh N, chị L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Bàn Thạch;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Ngọc Luân